

TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG GIÁO DỤC QUA TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG TỤC NGŨ, CA DAO NAM BỘ

Hoàng Thị Thảo

Trường Đại học Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Email: hoangthaotuan@gmail.com

Article History

Received: 18/4/2020

Accepted: 15/5/2020

Published: 25/5/2020

Keywords

Philosophy of life, folk songs, proverbs.

ABSTRACT

The philosophy of human life in Southern folk poetry is the quintessence of behavioral culture, helping to orient and choose the values that people need to preserve and follow throughout their lives to reach the truth, the goodness and the beauty, and it has profound educational significance. The paper presents the content of educating people in the philosophy of the Southern people through dealing with nature, family and society. The philosophy of human life in Southern folk poetry helps to raise awareness and responsibility of the Southern people in relationships with nature, family and society, which is important for education to form and develop the personality of modern Southern people.

1. Mở đầu

Triết lý nhân sinh trong ca dao Việt Nam là những kinh nghiệm mà ông cha ta đã đúc kết về sứ mệnh của con người, về cuộc sống của con người, mục đích và lẽ sống của con người trong xã hội; về những ứng xử của con người trong giới tự nhiên và cách ứng xử của con người với con người trong xã hội (Phạm Thị Thúy, 2017, tr 44). Tục ngữ, ca dao Việt Nam chứa đựng nhiều giá trị nhân sinh sâu sắc về đạo hiếu, đạo làm người, quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội và chính bản thân mình (Hoàng Thúc Lâm, 2017).

Ca dao ở mỗi vùng, miền lại thể hiện những triết lý nhân sinh mang tính đặc trưng của con người và tự nhiên ở vùng miền đó. Triết lý nhân sinh trong ca dao Nam Bộ thể hiện những quan niệm của người Nam Bộ về cuộc sống của con người, như về vị trí và vai trò của con người, các quan hệ xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của con người. Triết lý ấy được rút ra thông qua quá trình người Nam Bộ suy ngẫm về tự nhiên, về con người và xã hội loài người. Đó là tinh thần trọng nghĩa, sự bao dung, tính bộc trực, thẳng thắn, hào phóng, hiếu khách cùng tinh thần yêu nước nồng nàn, cần cù trong lao động sản xuất.

Triết lý nhân sinh trong ca dao Nam Bộ mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, đề cao những giá trị nhân văn trong cuộc sống của người dân miền này. Trong khuôn khổ của bài viết, tác giả tìm hiểu nội dung giáo dục trong triết lý của người dân Nam Bộ qua ứng xử với tự nhiên, với gia đình và xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Triết lý về ứng xử với tự nhiên

Người Nam Bộ trải qua quá trình dài khai phá, tồn tại và phát triển, họ đã đúc kết cho mình những triết lý về thái độ ứng xử đối với tự nhiên. Theo đó, con người cần hòa nhịp sống với tự nhiên, bảo vệ và xây dựng môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn. Theo triết lý đó, người dân Nam Bộ luôn gắn mình với thiên nhiên, hòa hợp với thiên nhiên để thích ứng với hoàn cảnh sống. Thiên nhiên ưu đãi cho họ nhiều sản vật phong phú, từ các loại thủy sản dưới nước, chim muông thú rừng trên cạn. Đối với người dân Nam Bộ xưa, kiếm cái ăn để sống không phải là chuyện khó khăn: *Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng/ Về sông ăn cá, về đồng ăn cua* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1149); *Ai ơi về miệt Tháp Mười/Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn*.

Nhịp sinh hoạt sông nước của cư dân Nam Bộ cũng gắn bó với chu kì con nước; họ quyết định làm gì, đi đâu tùy thuộc vào con nước. Sự kết hợp giữa yếu tố con người và hệ thống kênh rạch đã tạo ra tâm lí ưa thích đi lại bằng đường thủy hơn là đường bộ, thậm chí đi lại trên bộ cũng lẫn yếu tố sông nước mà gọi là "lội bộ". Một đặc trưng thích ứng của người dân Nam Bộ được phản ánh qua hình ảnh cây cầu (cầu tre, cầu dừa, cầu ván, cầu tràm, cầu đước,...). Mỗi cây cầu ít hay nhiều đều gắn bó với đời người, bởi trước hết nó là không gian của quê hương, đất nước, là cảnh vật quen thuộc của xóm làng. Đó là không gian thiên nhiên đã gắn bó thân thuộc. Bởi vậy, dân Nam Bộ có câu ca dao về cầu tre: *Ví dầu cầu ván đóng đinh/ Cầu tre lác lẻo gập ghềnh khó đi/ Khó đi mẹ dắt con đi/ Con đi trường học, mẹ đi trường đời* (Trần Đình Ba, 2011, tr 128). Chiếc cầu tre lác lẻo tuy bình dị nhưng đối với người dân Nam Bộ còn ẩn chứa cả một triết lý sống, đó là biểu trưng cho đường đời trắc trở, phản ánh nỗi gian truân, vất vả,

chịu đựng để vượt qua gian khó của con người. Mặc dù cách thể hiện mộc mạc nhưng triết lí nhân sinh về quan hệ ứng xử giữa con người với thiên nhiên của người dân Nam Bộ là rất rõ ràng, sâu sắc. Đó không chỉ là sự tôn trọng tự nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên mà còn là cơ sở hình thành nên tình yêu thiên nhiên của người dân Nam Bộ.

Ca dao Nam Bộ giáo dục con người nhận thức đúng đắn về tự nhiên, có những ứng xử phù hợp, tôn trọng, bảo vệ và thuận theo tự nhiên. Đây là một vấn đề lớn mang tính triết lí nhân sinh sâu sắc. Thiên nhiên là một người bạn của con người nên cần được con người ứng xử với một thái độ trân trọng, yêu thương. Tìm về với ca dao Nam Bộ để thấy rằng, ông cha ta đã gửi gắm tới thế hệ con cháu mai sau cần phải biết tôn trọng tự nhiên, từ đó xây dựng một lối ứng xử phù hợp với tự nhiên, giáo dục con người nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, trường tồn, bảo vệ cuộc sống của mình.

2.2. Triết lí về ứng xử trong gia đình

Quan hệ gia đình bắt nguồn từ huyết thống, dòng họ, *Chim có tổ, người có tông* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr 168), do đó phong tục Việt Nam coi trọng tình cảm và tình nghĩa gia đình họ tộc, bắt đầu từ tình nghĩa cha mẹ đối với con cái, vợ với chồng, anh - chị - em. Tương ứng với quan hệ đó là chuẩn mực đạo đức, như: thủy chung, tình nghĩa, hòa thuận, hiếu đễ... Để giáo dục, khuyên nhủ con cháu thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức này, cha ông bằng kinh nghiệm sống của mình đã đúc kết nên nhiều câu tục ngữ ca dao và lưu truyền cho đến ngày hôm nay.

2.2.1. Đề cao tình cảm gia đình, công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ đối với con cái

Gia đình là những người sống chung và gắn bó với nhau từ lâu đời bởi các mối quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và quan hệ tình cảm. Những người trong gia đình có nghĩa vụ yêu thương và chăm sóc lẫn nhau, có sự kính trọng của người nhỏ dành cho người lớn tuổi hơn. Tình cảm của những người trong gia đình dành cho nhau nói chung giữa Nam Bộ và Bắc Bộ đều đáng quý như nhau, tuy nhiên vì cuộc sống làng xã khác nhau nên cũng có đôi nét khác biệt. Ở Bắc Bộ, mối quan hệ làng xã rất khăng khít, gắn bó; quan hệ gia đình có sự gắn bó mật thiết của nhiều thế hệ, đối với họ gia đình là trên hết. Điều đó thể hiện ở câu ca dao: *Một giọt máu đào hơn ao nước lã* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr 184). Ở Nam Bộ, người dân đến từ tứ xứ, cuộc sống khai khẩn đầy khó khăn buộc người Nam Bộ phải giúp đỡ nhau, vì vậy họ rất coi trọng mối quan hệ bằng hữu thâm giao. Tình cảm gia đình ở Nam Bộ tuy bớt đi cái “chất đậm đặc” so với Bắc Bộ, nhưng vẫn rất nồng nàn. Cách đối xử của con cháu đối với ông bà, cha mẹ ở Nam Bộ thoải mái, gần gũi, không nghiêm khắc, không nhiều lễ nghĩa như ở Bắc Bộ. Có thể thấy điều này thể hiện trong cách xưng hô ở câu ca dao: *Chữ rằng vấn tổ tầm tông/Cháu con nữ bỏ cha ông chẳng màng* (Trần Đình Ba, 2011, tr 110). Ở Nam Bộ, đây là cách xưng hô thể hiện sự thân thiết, gần gũi của người lớn dành cho con cháu, là lời trách móc nhẹ nhàng nhưng cũng là lời khuyên dạy, giáo dục con cháu phải luôn nhớ đến tổ tiên, nguồn cội của mình.

Tình mẫu tử không chỉ là công nuôi nấng, dạy bảo, chăm sóc đứa trẻ lớn khôn, nên người mà còn giúp người mẹ trưởng thành hơn, biết cách sống, cách hi sinh vì người khác, dạy họ biết quên bản thân mình để dành tất cả cho con. Tình mẫu tử còn dạy họ sống tốt, sống đẹp, rèn luyện tính cách mạnh mẽ để làm gương, làm lá chắn cho con suốt cuộc đời. Tình cảm của người mẹ đối với con của mình luôn là sự hi sinh tuyệt đối: *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ/Năm canh chầy, thức đủ năm canh* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1155). Từng ngày, từng giờ người mẹ luôn bên cạnh bảo vệ, lo lắng, chăm sóc cho con, yêu thương con bằng tất cả tấm lòng: *Bông bông con ngủ cho ngoan/Dưới sông cá lội, trên ngàn chim bay/Uớc gì mẹ có mười tay/Tay kia bắt cá, tay này bắt chim/Một tay xe chỉ luôn kim/Một tay cấy lúa, tay tìm hái rau/Một tay ôm ấp con đau/Một tay vo gạo, tay cầu cúng ma/Một tay vung vãi đặng xa/Một tay bếp núc cửa nhà nắng mưa*.

Nếu như người mẹ bộc lộ tất cả yêu thương của mình bằng những cử chỉ, hành động chăm sóc, yêu thương thì người cha lại thể hiện tình cảm này một cách âm thầm, lặng lẽ. Có lẽ vì sự hi sinh thầm lặng ấy mà tình cảm của người cha dành cho con cái ít được đề cập trong ca dao. Tuy vậy, tình yêu thương, vai trò của người cha đối với con cái vẫn là một điều không thể phủ nhận: *Còn cha gót đỏ như son/Một mai cha chết gót con như bùn* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2016, tr 25), hàm ý rằng, tuy ít bộc lộ tình cảm của mình ra ngoài, nhưng người cha vẫn luôn là điểm tựa cho con, nếu thiếu đi người cha thì người con khó có được một cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn.

Để có thể lo cho con của mình được đầy đủ nhất, người cha, người mẹ phải cần cù, chịu thương chịu khó, chăm chỉ làm ăn. Hình ảnh những con người chân lấm tay bùn với bộ áo bà ba lấm tấm những giọt mồ hôi trên trán nhưng mặt vẫn cười tươi rạng rỡ, nét cười đọng lại sau những vất vả nhọc nhằn hiện lên như một bức tranh thủy mặc: *Thiếp thà đôn gánh đôi quang/Bán buôn nuôi mẹ, chàng sang mặc chàng* (Nguyễn Xuân Kính, 2002, tr 2168). Họ rất bình dị, mộc mạc, chịu thương chịu khó làm lụng, chắt chiu, hàng ngày bán buôn, “đôn gánh đôi quang”, cuộc sống có phần vất vả nhưng lại rất thanh bình; với họ, vì gia đình thương yêu của mình thì dù vất vả bao nhiêu cũng không qua ngại.

Tình mẫu tử là một tình cảm vô cùng thiêng liêng mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Tình cảm đó được khắc ghi trong nhiều câu ca dao Nam Bộ với lời lẽ tha thiết, chan chứa tình cảm: *Ví dầu mẹ chẳng có chi /Chỉ con với mẹ chẳng khi nào mòn* (Trần Đình Ba, 2011, tr 128). Tình yêu thương giữa mẹ và con, đó là giá trị cao quý nhất và là nguồn sức mạnh cao cả; vì vậy, mỗi người con luôn được nhắc nhở nhớ về nguồn cội và sống đúng với nghĩa vụ một người con để không phụ lòng cha mẹ.

2.2.2. Sự hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ

Trong truyền thống đạo đức con người Việt Nam, cha mẹ có bốn phận sinh thành, yêu thương, nuôi dưỡng, giáo dục con cái cho tới khi trưởng thành, con cái có nghĩa vụ kính yêu, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ. Với đạo lí làm con, con cái phải yêu thương, hiếu thảo, biết phụng dưỡng cha mẹ, bởi cha mẹ đã sinh ra và nuôi nấng ta nên người; gia đình là mái ấm che chở cho ta từ thuở mới lọt lòng đến khi trưởng thành. Ca dao Nam Bộ thể hiện lòng hiếu kính của con người đối với cha mẹ, giáo dục con người tuân thủ luân thường đạo lí ở đời, khắc ghi để đền đáp ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ: *Trời cao lòng lộng /Đất rộng tình thinh /Đi ra bỏ mẹ sao đành /Công ơn cha mẹ sinh thành ra em* (Nguyễn Xuân Kính, 2002, tr 2447); hay: *Ơn hoài thai như biển /Ngãi dưỡng dục tựa sông /Em nguyện ở vậy không chồng /Lo nuôi cha mẹ hết lòng phận con* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1880). Cô gái trong câu ca dao nguyện không lấy chồng, ở suốt đời bên cha mẹ để chăm sóc, phụng dưỡng, đền đáp công ơn sinh thành của cha mẹ.

Để giáo dục con cái tình yêu thương đối với cha mẹ, hình ảnh người mẹ được ví như những gì thân thuộc nhất, gần gũi nhất nhưng lại vô cùng quý báu: *Mẹ già như chuối ba hương /Như xôi nếp mật, như đường mía lau* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2016, tr 229). Những hình ảnh mang tính biểu tượng “chuối ba hương”, “xôi nếp mật”, “đường mía lau” là những món ăn ngọt ngào quen thuộc với người Nam Bộ như gói trọn tất cả những tình cảm thiêng liêng nhất người con dành cho mẹ.

Tình cảm của nàng dâu, con rể với cha mẹ chồng/vợ tuy không phải là quan hệ cùng huyết thống nhưng họ vẫn xem nhau như máu mủ, ruột thịt: *Phụ mẫu anh như phụ mẫu nàng /Mai sau có thác, chạm chữ vàng thờ chung* (Phạm Việt Long, 2004, tr 1897). Đối với cô gái thì mẹ của chồng cũng như là mẹ ruột mình, dù là bây giờ hay là mai sau khi cha mẹ mất đi, cô vẫn một lòng yêu thương, kính trọng cha mẹ, cùng chồng thờ phụng, làm tròn đạo hiếu của một người con. *Gió đưa bụi chuối sau hè /Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ /Con thơ tay ấm tay bông /Tay dất mẹ chồng, đầu đội thúng bông* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1143). Đó cũng là tấm lòng của con người Nam Bộ trọng tình cảm và bao dung.

Như vậy, đạo hiếu, đạo làm con có ý nghĩa quan trọng trong các nguyên tắc ứng xử của người Việt nói chung và người dân Nam Bộ nói riêng, thể hiện triết lí nhân sinh vừa dung dị vừa sâu sắc, mang tính thực tiễn, phổ quát. Phụng dưỡng cha mẹ lúc sống, thờ phụng khi mất không chỉ là tín ngưỡng mà còn là lẽ sống, được hình thành, bồi đắp qua bao thế hệ và trở thành mỹ tục, thuần phong, ăn sâu vào trong tiềm thức của người Nam Bộ. Ca dao Nam Bộ về mối quan hệ tình cảm thiêng liêng trong gia đình có tính giáo dục sâu sắc, giúp con người luôn tâm niệm về bốn phận của mình đối với cha mẹ, là nền tảng để xây dựng những mối quan hệ tình cảm khác trong xã hội. Đây cũng là cách thể hiện nét đẹp văn hóa của người Nam Bộ với tinh thần *Ôn cố tri tân* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr 140) giúp cho mỗi người định hướng được cách sống và cách thể hiện tình cảm trong gia đình đối với cha mẹ mà đôi khi vì những lo toan cuộc sống khiến ta bỏ quên bốn phận làm con của mình.

2.3. Triết lí về ứng xử trong xã hội

2.3.1. Giáo dục tình trọng nghĩa, chân thành

Người dân Việt Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng rất coi trọng đức hạnh và luôn nhắc nhở chính mình cũng như giáo dục thế hệ sau lối sống nhân nghĩa, coi trọng tình người nồng hậu: *Có tiên có hậu mới hay /Có trồng cây đức mới dày nền nhân*. Về ứng xử trong xã hội, người Nam Bộ có triết lí sống trọng nghĩa, chân thành, đầy chất khí khái, thể hiện tính khảng khái, không chịu cúi lòn. Cũng vì thế mà người Nam Bộ luôn bộc trực, thẳng thắn, không rào đón rườm rà, nghĩ sao nói vậy, nói “thẳng như ruột ngựa”: *Trời sinh cây cứng lá dai /Gió lay mặc gió, chiều ai không chiều* (Nguyễn Xuân Kính, 2002, tr 2470). Chữ “Nghĩa” của người Nam Bộ không có mang tính chung chung, khô khan như chữ “Nghĩa” của Nho giáo, vì nó hàm chứa những gì gần gũi trong đời sống hằng ngày. Đó là mối quan hệ thương yêu đồng loại giữa người với người, mối quan hệ tình cảm gắn bó thủy chung, là nghĩa xóm tình làng, tối lửa tắt đèn có nhau.

“Trọng nghĩa” của người Nam Bộ cũng là tinh thần của những con người nghĩa khí, sẵn sàng xả thân mình để làm việc nghĩa, những việc mà họ cho là hợp với đạo lí. Trong nghĩa thường gắn với khinh tài. Nếu người xưa từng cay đắng rằng: *Nén bạc đâm toạc tờ giấy* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr 399) thì ca dao Nam Bộ lại khẳng định: *Tiền tài như phấn thổ /Nghĩa trọng tựa thiên kim /Con le le mấy thườ chết chìm /Người bạc tình bạc nghĩa kiếm tìm làm chi* (Trần Đình Ba, 2011, tr 127).

Tính nghĩa khí còn thể hiện qua lòng thủy chung son sắt trong tình yêu đôi lứa của cô gái Nam Bộ: “*Bướm ong bay lượn rộn ràng/ Em nguyện giữ tấm lòng vàng với anh*” (Trần Đình Ba, 2011, tr 74). Triết lí trọng tình, trọng nghĩa của người Nam Bộ được biểu lộ với một thái độ mạnh mẽ, quyết liệt với hình ảnh “ruột thắt gan bào”: *Ngó lên trời mây bay vẫn vũ/ Ngó xuống âm phủ đủ mặt bá quan/ Lên Nam Vang thấy cây trăm thước/ Nhìn sông trước thấy sóng bủa lao xao/ Anh thương em ruột thắt gan bào/Biết em có thương lại chút nào hay không?* (Trần Đình Ba, 2011, tr 96).

Con người Nam Bộ sống trọng nghĩa tình, chân thành, bình dị. Họ thể hiện mong ước, giáo dục sự trân trọng, giữ gìn đạo lí ở đời qua hình ảnh con chim nhỏ nhỏ trong ca dao: *Con chim nhỏ nhỏ/ Cái lông nó đỏ/ Cái mỏ nó vàng/ Nó kêu người ở trong làng/ Đừng ham lãnh lụa phụ phàng vải bó* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 636).

Người Nam Bộ thích sống cuộc sống thanh thoi, an nhàn với ruộng đồng hơn là bon chen hơn thua chốn thị thành. Dẫu có cuộc sống khó khăn, có điều kiện vật chất thiếu thốn, nhưng họ biết: *liệu cơm gắp mắm* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2015, tr 119), sống chân thành, bình dị, không kiêu cách, xa hoa. Mong ước lớn nhất đối với họ là có cuộc sống thanh nhàn, gia đình đầm ấm, có bạn tri âm tâm tình bên chén trà, li rượu. Tính trọng nghĩa còn thể hiện ở sự hiếu khách của người Nam Bộ: *Bắt con cá lóc nướng trui/ Làm mâm rượu trắng đãi người bạn xa* (Trần Đình Ba, 2011, tr 131). Cá lóc nướng trui là một món đặc sản ở miền Tây Nam Bộ, khách đến thăm nhà mà được chủ đãi món đặc sản như thế này ắt hẳn là một người được coi trọng, quý mến. Sự hiếu khách, trọng tình nghĩa còn thể hiện ở sự nuôi tiếc khi phải tiễn bạn ra về: *Bạn về ta chẳng dám cầm/ Dang tay đưa bạn ruột bầm như dưa* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 236). Đó là điểm nổi bật trong tính cách, quan niệm sống của người dân Nam Bộ. Nền tảng của quan niệm sống trọng nghĩa tình giúp con người biết sống chừng mực, làm chủ bản thân để làm những điều thiện. Đó cũng là phẩm chất tốt đẹp, nhân văn trong triết lí về thái độ ứng xử giữa người với người của người dân Nam Bộ.

2.3.2. Triết lí về cuộc sống giản dị, thực tế và phóng khoáng.

Về ứng xử trong xã hội, người Nam Bộ cũng có triết lí sống giản dị, thực tế và phóng khoáng. Ngoài tính cách trọng nghĩa, khinh tài, nghĩa khí, hào hiệp, người Nam Bộ còn sống thực tế, rõ ràng, dứt khoát. Họ đã hứa thì phải làm, họ nói một là một, hai là hai, không thay đổi, cho dù sự thay đổi có khi đem lại điều lợi cho họ: *Thuyền dờn mà bến chẳng dờn/ Khăng khăng một lời quân tử nhất ngôn* (Nguyễn Xuân Kính, 2002, tr 2201). Họ không vì danh lợi mà nhắm mắt làm những công việc không tương xứng với công sức mình bỏ ra, và nhất là trong danh lợi đó ẩn chứa điều gì đó phi nghĩa, trái với bản tính nghĩa khí hào hiệp của họ: *Đừng ham hốt bạc ghe chài/Cột buồm cao bao lúa nặng, tám đòn dài khó đi* (Trần Đình Ba, 2011, tr 115).

Chất phóng khoáng của người Nam Bộ thể hiện rõ nhất trong đời sống sinh hoạt. Người Nam Bộ nổi tiếng phóng khoáng, hào sảng trong chi tiêu. Họ có bao nhiêu thì xài bấy nhiêu, ít lo chuyện *tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn* (Trần Đình Ba, 2011, tr 146) như người Bắc Bộ, Trung Bộ. Trong cuộc sống khai khẩn cùng đất mới, người Nam Bộ luôn phải dựa vào nhau để tạo lập cuộc sống, nên *Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó* là một triết lí mang tính giáo dục sâu sắc về và sức mạnh của sự đoàn kết.

Triết lí sống phóng khoáng của người Nam Bộ còn biểu hiện độc đáo khác. Đó là quan niệm coi trọng, đề cao vai trò và vị trí của người phụ nữ. Nếu đối với người Bắc Bộ, phụ nữ cần tuân thủ giáo lí “tam tòng”, trong đó “xuất giá tòng phu” được coi là bổn phận của người phụ nữ truyền thống trong xã hội cũ, nhưng đối với người con gái Nam Bộ thì không như vậy. Người con gái Nam Bộ quan niệm rằng: *Mắt cha, mắt mẹ thì khó kiếm/ Đạo vợ chồng chẳng hiếm chi nơi* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1445) thể hiện một quan điểm cởi mở, thực tế, không bó buộc người phụ nữ vào những giáo lí cổ hủ.

Đối với người con gái Nam Bộ, đạo thờ cha mẹ có phần lấn át chuyện “thờ chồng”. Vì vậy, ở đây không hiếm trường hợp người con gái cứ ở vậy không chịu đi lấy chồng hoặc lấy chồng muộn để lo cho cha mẹ đến lúc mãn phần; hoặc người chồng đi ở rể bên nhà vợ là rất tự nhiên, tự nguyện: *Thấy em còn chút mẹ già/ Muốn vô hạn dưỡng biết là được chăng?* (Nguyễn Xuân Kính, 2001, tr 1445).

2.3.3. Giáo dục tình yêu quê hương đất nước bình dị, sâu sắc

Nam Bộ tươi đẹp với những miệt vườn vừa lúa, với những con người mộc mạc, chân chất, mà anh hùng “Thành đồng Tổ quốc”. Người Nam Bộ tự hào về ưu đãi của thiên nhiên trên mảnh đất quê hương: *Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh/ Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm* (Trần Đình Ba, 2011, tr 27); *Cần Thơ gạo trắng nước trong, Ai đi đến đó lòng không muốn về* (Trần Đình Ba, 2011, tr 19); *Ruộng đồng mặc sức chim bay/Biên hồ lai láng, cá bầy đua bơi...;* tự hào trước vẻ tươi đẹp của quê hương: *Bến Tre đẹp lắm ai ơi, Bậu về bên ấy cho tôi về cùng* (Trần Đình Ba, 2011, tr 15); *Đâu vui bằng đất Bạc Liêu/Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu.* Thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào đối với cảnh sắc quê hương, người Nam Bộ giáo dục đến thế hệ sau tình yêu quê hương, đất nước một cách bình dị mà sâu sắc.

Tình yêu đối với quê hương, đất nước còn thể hiện ở hành động xả thân vì nước khi có giặc ngoại xâm: *Con ơi con ngủ cho say/ Cha con đi giết sạch loài Lang Sa* (Trần Đình Ba, 2011, tr 111) hay khí thế căm thù sục sôi của người dân Nam Bộ đối với bọn xâm lược: *Xa xa Côn Đảo nhà tù/ Biển sâu mấy khúc căm thù bấy nhiêu* (Trần Đình Ba, 2011, tr 60). Những con người Nam Bộ thường ngày mộc mạc, hiền lành nhưng đứng trước kẻ thù lại vô cùng anh dũng, hiên ngang và khi cận kề với cái chết là lúc họ trở nên anh dũng hơn bao giờ hết. Họ dốc hết lòng vì non sông đất nước. Chính sự yêu nước đã tạo nên người phụ nữ cũng anh dũng không thua kém đàn ông, họ không bị rịn mà hăng hái, khuyến khích chồng hành trang lên đường ra trận, bảo vệ đất nước: *Anh đi đánh giặc Lang Sa/ Để thiếp ở nhà, lo tần lo tảo/Chén cơm manh áo, nhà cửa ruộng vườn /Để anh lên ngựa dề thương/ Thiếp về mặc thiếp liệu lương nuôi con* (Trần Đình Ba, 2011, tr 64). Để người chồng có thể an tâm ra chiến trận, người vợ ở nhà phải chịu trách nhiệm lo toan gánh vác mọi việc trong gia đình, từ việc nhà cửa, ruộng vườn tới việc chăm sóc con cái. Đam đang là thế, dịu dàng là thế nhưng khi đất nước lâm nguy thì “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” như câu ca dao: *Gái Mỹ Tho mày tầm mắt phượng/Giặc đến nhà chẳng vụng hươu đao* (Trần Đình Ba, 2011, tr 30). Người phụ nữ dịu hiền xưa nay nhưng khi đứng trước bọn giặc hung tàn lại trở nên thật mạnh mẽ, không ngại ngần cầm vũ khí chống trả. Đó là tinh thần dân tộc, là tinh thần yêu nước của người phụ nữ Nam Bộ.

Vẻ đẹp của ngôn từ trong ca dao có sức mạnh biểu cảm mạnh mẽ, qua đó, hình ảnh quê hương, đất nước như trở nên gần gũi hơn, lung linh hơn nhờ những ca từ đầy hình ảnh, qua đó giáo dục tình yêu quê hương, đất nước một cách bình dị mà sâu sắc, đồng thời giúp chúng ta hiểu hơn về từng mảnh đất, con người Nam Bộ.

3. Kết luận

Ca dao Nam Bộ là sự đúc kết những kinh nghiệm và vốn sống của người dân nơi đây từ thực tiễn đời sống, ở đó có những triết lý sâu sắc về về con người, về thế giới. Đó là triết lý về tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương đất nước, là những bài học giáo dục đạo đức, lối sống, về cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. Triết lý đó giúp con người rèn luyện bản lĩnh, nhân cách, tu dưỡng đạo đức, điều chỉnh hành vi để hướng đến các giá trị Chân, Thiện, Mĩ.

Triết lý nhân sinh trong ca dao Nam Bộ giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của con người Nam Bộ trong các mối quan hệ với tự nhiên, gia đình và xã hội, có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục hình thành và phát triển nhân cách của con người Nam Bộ hiện đại. Trong thời đại ngày nay, khi con người được tiếp xúc với nhiều tư tưởng, nhiều nền văn hóa khác nhau, việc nghiên cứu, tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc trong kho tàng ca dao Nam Bộ là việc làm hết sức cần thiết. Nội dung giáo dục trong triết lý nhân sinh trong ca dao Nam Bộ chính là tinh hoa trong đạo lý sống của con người được bảo lưu qua nhiều thế hệ như những giá trị trường tồn và mang đậm bản sắc của dân tộc Việt. Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập toàn cầu hiện nay, trước những vận hội mới của đất nước, việc bảo tồn và phát huy truyền thống đạo đức dân tộc cũng gặp không ít khó khăn; bởi vậy, những giá trị nhân văn sâu sắc được đúc kết trong ca dao Nam Bộ vẫn luôn là những bài học mang ý nghĩa giáo dục lớn đối với thế hệ trẻ.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Thúc Lâm (2017). *Những giải pháp cơ bản phát huy giá trị của triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 3 tháng 8, tr 227-230; 250.
- Nguyễn Nghĩa Dân (2000). *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*. NXB Thanh niên.
- Nguyễn Nghĩa Dân (2015). *999 lời tục ngữ - ca dao Việt Nam về thực hành đạo đức*. NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Nghĩa Dân (2016). *Văn hóa hôn nhân và gia đình trong tục ngữ ca dao Việt Nam*. NXB Hội nhà văn.
- Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), Phan Đăng Nhật, Phan Đăng Tài, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang (2001). *Kho tàng Ca dao người Việt*, tập 1. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), Phan Đăng Nhật, Phan Đăng Tài, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang (2002). *Kho tàng Ca dao người Việt*, tập 2. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Phạm Thị Thúy (2017). *Triết lý nhân sinh trong ca dao Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, số 410, tr 44-46.
- Phạm Việt Long (2004). *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Trần Đình Ba (2011). *Đất và người Nam Bộ qua ca dao*. NXB Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- Trần Văn Nam (2010). *Biểu trưng trong ca dao Nam Bộ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Ngọc Phan (2005). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.